

Phụ biểu 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

(Kèm theo Công văn số /UBND-TNMT ngày /11/2023 của UBND thành phố Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt (theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND đến năm 2025)	Tổng diện tích được duyệt theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện	Kết quả thực hiện		So sánh Tăng (+); Giảm (-)
				Dự kiến đến 31/12/2023	Tỷ lệ đạt (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)/(3)*100	(7) = (5) - (3)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	5,654.98	5,654.98	5,654.98	100.00	
1	Đất nông nghiệp	1,658.98	2,203.19	2,608.27	157.22	949.28
	<i>Trong đó</i>					
1.1	Đất trồng lúa	815.38	1,399.32	1,694.53	207.82	879.15
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	692.21	1,031.20	1,329.55	192.07	637.34
1.2	Đất rừng phòng hộ	93.21	96.13	96.13	103.13	2.92
1.3	Đất rừng đặc dụng					
1.4	Đất rừng sản xuất					
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>					
2	Đất phi nông nghiệp	3,981.38	3,314.68	2,871.75	72.13	-1,109.63
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất khu công nghiệp					
2.2	Đất quốc phòng	15.94	16.02	16.02	100.55	0.09
2.3	Đất an ninh	28.35	16.05	13.04	46.01	-15.31
2.4	Đất phát triển hạ tầng	1,605.89	1,481.80	1,306.98	81.39	-298.91
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	1,019.54	982.86	854.24	83.79	-165.30
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	23.51	9.41	6.86	29.18	-16.65
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	36.48	35.12	29.15	79.91	-7.33
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	147.80	123.46	96.63	65.38	-51.17
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	60.72	49.32	45.62	75.13	-15.10
-	Đất công trình năng lượng	5.11	6.90	2.47	48.34	-2.64
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	2.52	2.50	2.05	81.35	-0.47
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia					
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	2.74	0.76	0.48	17.52	-2.26
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	22.55	3.10	2.93	12.99	-19.62
3	Đất chưa sử dụng	14.62	137.11	174.97	1,197.13	160.35
3.1	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	154.90	41.79	3.93	2.53	-150.98
3.2	Đất chưa sử dụng còn lại	14.62	137.11	174.97	1,197.13	160.35
4	Đất khu kinh tế					
5	Đất khu công nghệ cao					
6	Đất đô thị	2,496.98	2,496.98	2,496.98	100.00	0.00

Phụ biểu 02: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA THANH PHỐ HÀ TĨNH

(Kèm theo Công văn số /UBND-TNMT ngày /11/2023 của UBND thành phố Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt (theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND đến năm 2025)	Tổng diện tích được duyệt theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện	Kết quả thực hiện	
				Dự kiến đến 31/12/2023	Tỷ lệ đạt (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)/(3)*100
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	1109.85	436.81	31.73	2.86
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	849.41	310.22	25.00	2.94
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ trở lên)</i>	<i>760.52</i>	<i>304.31</i>	<i>19.96</i>	<i>2.63</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	100.23	56.94	3.07	3.06
1.3	Đất trồng cây lâu năm	78.30	21.86	3.66	4.67
1.4	Đất rừng phòng hộ	2.92			0.00
1.5	Đất rừng đặc dụng				
1.6	Đất rừng sản xuất				
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	75.35	45.12		0.00
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông	15.30	13.00	3.00	19.61
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm				
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất lâm nghiệp				
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	15.30	13.00	3.00	19.61
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối				
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản				
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối				
2.7	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác				
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác				
2.9	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác				
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	23.23	7.42	0.00	0.00

Phụ biểu 03: KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG CỦA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

(Kèm theo Công văn số /UBND-TNMT ngày /11/2023 của UBND thành phố Hà Tĩnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt (theo Quyết định số 326/QĐ-TTg đến năm 2025)	Tổng diện tích được duyệt theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện	Kết quả thực hiện	
				Dự kiến đến 31/12/2023	Tỷ lệ đạt (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)/(3)*100
	TỔNG CỘNG	154.90	41.79	3.93	2.53
1	Đất nông nghiệp	17.50			0.00
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa				
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước				
1.2	Đất rừng phòng hộ				
1.3	Đất rừng đặc dụng				
1.4	Đất rừng sản xuất				
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên				
2	Đất phi nông nghiệp	137.40	41.79	3.93	2.86
	Trong đó:				
2.1	Đất khu công nghiệp				
2.2	Đất quốc phòng	0.10			0.00
2.3	Đất an ninh	0.05	0.05		0.00
2.4	Đất phát triển hạ tầng	49.78	16.12		0.00
-	Trong đó:				
-	Đất giao thông	26.31	13.17		0.00
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0.79	0.48		0.00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	0.80			0.00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	4.69	1.80		0.00
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	2.61	0.61		0.00
-	Đất công trình năng lượng	5.66			0.00
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0.06	0.06		0.00
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia				
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa				
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0.37			0.00
3	Đất khu kinh tế				
4	Đất khu công nghệ cao				
5	Đất đô thị	94.05	19.28	3.23	3.43

Phụ biểu 04: TÌNH HÌNH LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 VÀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 CỦA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH TÍNH ĐẾN NGÀY 30/9/2023

(Kèm theo Công văn số /UBND-TNMT ngày /11/2023 của UBND thành phố Hà Tĩnh)

STT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Kết quả lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố Hà Tĩnh				Kết quả Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố Hà Tĩnh			
		Đang tổ chức thực hiện	Đã hoàn thành (Quyết định phê duyệt)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Số đơn vị chưa lập	Đang tổ chức thực hiện	Đã hoàn thành (Quyết định phê duyệt)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Thành phố Hà Tĩnh		Quyết định 1777/QĐ-UBND ngày 27/8/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của thành phố Hà Tĩnh				Quyết định 1456/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh địa điểm, quy mô diện tích và loại đất sử dụng một số công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của thành phố Hà Tĩnh		

Phụ biểu 05: TÌNH HÌNH LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

(Kèm theo Công văn số /UBND-TNMT ngày /11/2023 của UBND thành phố Hà Tĩnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Kết quả lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Hà Tĩnh			Kết quả Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Hà Tĩnh			
		Đang tổ chức thực hiện	Đã hoàn thành (Quyết định phê duyệt)	Số đơn vị chưa lập	Đang tổ chức thực hiện	Đã hoàn thành (Quyết định phê duyệt)	Dự kiến thời gian hoàn thành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Thành phố Hà Tĩnh		Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Hà Tĩnh					